TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/DS-ST
Ngày: 09/07/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hồng Hải
2. Ông Lâm Văn Vô

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5*:** Ông Nguyễn Phạm Tuân – Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 229/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1

Địa chỉ: Số E L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993

2/ Ông Nguyễn Song D, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Tầng D, C Hậu Giang, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 738/2023/GUQ-TPB.DR ngày 31/10/2023). Ông H vắng mặt, ông D có mặt.

2. Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Hoàng D1, sinh năm 1978

2/ Bà Trần Hà Trúc L, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Phòng C, Lầu F, Chung cư P, Số C C, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP T1 (gọi tắt là T2) theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án có người đại diện hợp pháp trình bày:* Ngày 28/05/2016, T2 ký Hợp đồng tín dụng số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 với ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L. Theo đó, T2 đồng ý cho ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L vay số tiền, cụ thể như sau: Số tiền vay: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích: vay mua xe; Thời hạn vay: 60 tháng.

Ngày 28/05/2016, T2 ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 146_05.16/HDBD/TTB MN2 với ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L. Theo Hợp đồng thế chấp này, ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L đã tự nguyện thế chấp: *"Chiếc xe ôtô con: Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 27/05/2016"* để đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L tại T2.

Sau khi giải ngân và đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký mặc dù Ngân hàng nhiều lần đôn đốc yêu cầu.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L thanh toán cho T2 tổng số tiền (tính đến ngày 24/10/2023) là: 692.569.350 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc là: 339.166.659 đồng, nợ lãi: 353.402.691 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 cho đến khi ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L thanh toán hết khoản nợ nêu trên.

3. Trường hợp sau khi quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì T2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho T2. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là: *"Chiếc xe ôtô con:*

Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 27/05/2016" sẽ được ưu tiên phát mãi để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán của mình.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L tại T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T2.

** Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L:* vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Song D đại diện trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu:

1. Buộc ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L thanh toán cho T2 tổng số tiền (tính đến ngày 09/7/2024) là: 699.296.356 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 339.166.659 đồng, nợ lãi: 360.129.697 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 cho đến khi ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L thanh toán hết khoản nợ nêu trên.

3. Trường hợp sau khi quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì T2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho T2. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là: *"Chiếc xe ôtô con: Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 27/05/2016"* sẽ được ưu tiên phát mãi để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán của mình.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L tại T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ

thì ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T2.

- Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn –ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng tính dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do bị đơn cư trú tại Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 5 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 ngày 28/5/2016:

[3.1.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 ngày 28/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP T1 với ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được xác lập bằng văn bản thể hiện cụ thể thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ....phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

Để đảm bảo cho Hợp đồng nêu trên, bị đơn đã thế chấp xe ôtô con: Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 27/05/2016 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 146_05.16/HDBD/TTB MN2 ngày 28/5/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm số 1214026390, ngày đăng ký 09 giờ 58 phút ngày 30 tháng 5 năm 2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện hợp đồng, theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 150_05.16/KUNN/TTB MN2 ngày 28 tháng 5 năm 2016 thì nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng cho bị đơn. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo khế ước nhận nợ. Đến ngày 26/5/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn, với dư nợ gốc là 339.166.659 đồng. Xét thấy, khi ký kết hợp đồng, các bên đã thỏa thuận rõ ràng với nhau về số tiền vay, thời hạn trả nợ, phương thức trả... nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 4 của Hợp đồng và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 150_05.16/KUNN/TTB MN2 ngày 28 tháng 5 năm 2016 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền nợ gốc là 339.166.659 đồng là đúng với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3.1.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N) quy định: "*1. Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng N. 2. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp*

dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng", như vậy tại Điều 1 của Hợp đồng cho vay số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 ngày 28/5/2016 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 150_05.16/KUNN/TTB MN2 ngày 28/5/2016 các bên thỏa thuận *"lãi suất linh hoạt như sau: Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 28/5/2017 là 7,5%/năm; Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 28/5/2021: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng của T2 tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,15%/năm"*. Lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thỏa thuận lãi suất của các bên là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nêu trên. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7,5%/năm. Từ ngày 31/8/2018 đến nay thì lãi suất trong hạn là 11,85%%, lãi suất quá hạn là 17,78%%. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi tổng cộng là 360.129.697 đồng, trong đó lãi trong hạn 6.666.931 đồng, nợ lãi quá hạn là 353.462.766 đồng (tạm tính đến ngày 09 tháng 7 năm 2024) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Như vậy, bị đơn – ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L phải cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền (tính đến ngày 09/7/2024) là: 699.296.356 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 339.166.659 đồng, nợ lãi: 360.129.697 đồng. Tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Xét nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm là xe ôtô con: Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 27/05/2016 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 146_05.16/HDBD/TTB MN2 ngày 28/5/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm số 1214026390, ngày đăng ký 09 giờ 58 phút ngày 30 tháng 5 năm 2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy các bên ký kết hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng được lập thành văn bản, được công chứng tại Phòng công chứng, việc thế chấp đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy nên việc thế chấp tài sản nêu trên là hợp pháp theo quy định tại Điều 317, 319 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Phiếu trả lời xác minh xe ngày 22/3/2024 xe ô tô mang biển số 51F-689.09, chủ xe: Nguyễn Hoàng D1, trạng thái đăng ký xe: đăng ký xe lần đầu. Như vậy, tài sản thế chấp cho khoản vay của bị đơn đáp ứng đầy đủ các điều kiện

theo quy định tại hợp đồng thế chấp và quy định tại Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên cũng như quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bị đơn – ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện xử lý tài sản bảo đảm là xe ôtô con: Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 27/05/2016 cho ông Nguyễn Hoàng D1.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng D1, bà Trần Hà Trúc L phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định pháp luật; Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 280; Điều 137, Điều 319, Điều 323, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1.

1.1. Buộc ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền 699.296.356 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là: 339.166.659 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi: 360.129.697 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu một trăm hai mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi bảy đồng) tạm tính đến

ngày 09 tháng 7 năm 2024 theo Hợp đồng cho vay số 151_05.16/HDTD/TTB MN2 ngày 28/5/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP T1 được quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là xe ôtô con: Nhãn hiệu: Kia; Số loại: Rondo; Màu: Nâu; Số khung: RNYRP52A6GC065632; Số máy: D4FDEH533863; Biển số: 51F-689.09; Theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168421 do Phòng C Công an Thành phố H cấp ngày 27/05/2016 cho ông Nguyễn Hoàng D1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 146_05.16/HDBD/TTB MN2 ngày 28/5/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm số 1214026390, ngày đăng ký 09 giờ 58 phút ngày 30 tháng 5 năm 2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.851.387 đồng (Mười lăm triệu tám trăm năm mươi mốt ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng) theo B lại thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0010945 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hoàng D1 và bà Trần Hà Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 31.971.854 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm năm mươi bốn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Bích Trâm